

Phụ lục 1

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 các chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Huế

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

| TT  | Địa phương                                                   | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của HĐND tỉnh |           |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  | Lũy kế vốn bố trí |           |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung |           |                                          |                     |                     | Tăng (+)/Giảm (-) |                                                  |                                                  |               |         | Ghi chú      |  |  |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------|-----------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------|---------|--------------|--|--|
|     |                                                              | Tổng cộng                                                                                                 | Trong đó: |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  | Tổng cộng         | Trong đó: |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  | Tổng cộng                                                  | Trong đó: |                                          |                     |                     | Tổng cộng         | Trong đó:                                        |                                                  |               |         |              |  |  |
|     |                                                              |                                                                                                           | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                |                                                        |                                                     |                                                  |                   | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                |                                                        |                                                     |                                                  |                                                            | NSTW      | NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác |                     |                     |                   |                                                  |                                                  |               |         |              |  |  |
|     |                                                              |                                                                                                           |           | Tổng cộng                                | Trong đó:      |                                                        |                                                     |                                                  |                   |           | Tổng cộng                                | Trong đó:      |                                                        |                                                     |                                                  |                                                            |           | Tổng cộng                                | Trong đó:           |                     |                   |                                                  |                                                  |               |         |              |  |  |
|     |                                                              |                                                                                                           |           |                                          | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, xã nhân dân đóng góp và huy động khác | Trong đó:                                           |                                                  |                   |           |                                          | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, xã nhân dân đóng góp và huy động khác | Trong đó:                                           |                                                  |                                                            |           |                                          | Ngân sách thành phố | Trong đó:           |                   |                                                  |                                                  |               |         |              |  |  |
|     |                                                              |                                                                                                           |           |                                          |                |                                                        | Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                   |           |                                          |                |                                                        | Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |                                                            |           |                                          |                     | Ngân sách thành phố |                   | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác | Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác |               |         |              |  |  |
| (1) | (2)                                                          | (3)=(4)+(5)                                                                                               | (4)       | (5)=(6)+(7)                              | (6)            | (7)=(8)+(9)                                            | (8)                                                 | (9)                                              | (10)=(11)+(12)    | (11)      | (12)=(13)+(14)                           | (13)           | (14)=(15)+(16)                                         | (15)                                                | (16)                                             | (17)=(18)+(19)                                             | (17)      | (18)=(19)+(20)                           | (19)                | (20)                | (21)=(22)+(23)    | (22)                                             | (23)=(24)+(25)                                   | (24)=(19)-(6) | (25)    | (26)         |  |  |
|     | Tổng cộng                                                    | 2.165.121                                                                                                 | 1.354.250 | 810.871                                  | 317.173        | 493.698                                                | 343.943                                             | 149.755                                          | 1.871.410         | 1.263.062 | 608.348                                  | 243.275        | 365.073                                                | 261.661                                             | 103.412                                          | 2.166.471                                                  | 1.293.810 | 872.661                                  | 395.206             | 477.455             | 1.350             | -60.440                                          | 61.790                                           | 78.033        | -16.243 |              |  |  |
| 1   | CTMTQG xây dựng nông thôn mới                                | 1.044.815                                                                                                 | 394.180   | 650.635                                  | 214.762        | 435.873                                                | 289.658                                             | 146.215                                          | 873.467           | 394.390   | 479.077                                  | 159.690        | 319.387                                                | 217.612                                             | 101.775                                          | 1.045.025                                                  | 394.390   | 650.635                                  | 231.005             | 419.630             | 210               | 210                                              | 0                                                | 16.243        | -16.243 | Phụ lục 2, 3 |  |  |
| 2   | CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (*) | 553.079                                                                                                   | 467.613   | 85.466                                   | 57.663         | 27.803                                                 | 27.803                                              | 0                                                | 512.855           | 436.865   | 75.990                                   | 57.663         | 18.327                                                 | 18.327                                              |                                                  | 553.079                                                    | 467.613   | 85.466                                   | 57.663              | 27.803              | 0                 | 0                                                | 0                                                | 0             | 0       | 0            |  |  |
| 3   | CTMTQG giảm nghèo bền vững                                   | 567.227                                                                                                   | 492.457   | 74.770                                   | 44.748         | 30.022                                                 | 26.482                                              | 3.540                                            | 485.088           | 431.807   | 53.281                                   | 25.922         | 27.359                                                 | 25.722                                              | 1.637                                            | 568.367                                                    | 431.807   | 136.560                                  | 106.538             | 30.022              | 1.140             | -60.650                                          | 61.790                                           | 61.790        | 0       | Phụ lục 4    |  |  |
|     |                                                              |                                                                                                           |           |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  |                   |           |                                          |                |                                                        |                                                     |                                                  |                                                            |           |                                          |                     |                     |                   |                                                  |                                                  |               |         |              |  |  |

Ghi chú:

- Cột (19): Phần ngân sách thành phố bao gồm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp còn lại phải phân bổ cho các công trình do các Ban QLDA khu vực cấp thành phố làm chủ đầu tư
- Cột (20): Phần ngân sách xã bao gồm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp đã phân bổ cho các công trình do các ban cấp huyện và UBND cấp xã làm chủ đầu tư
- Cột (24): Phần ngân sách thành phố bao gồm phần ngân sách trung ương năm 2025 không tiếp hỗ trợ cho thành phố Huế và phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp phải phân bổ cho các công trình do các Ban QLDA khu vực cấp thành phố làm chủ đầu tư
- Cột (25): Phần ngân sách xã phải phân bổ cho các công trình do UBND cấp xã làm chủ đầu tư
- (\*): UBND thành phố đã có Báo cáo số 469/BC-UBND ngày 30/9/2025 gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị hoàn trả 30,748 tỷ đồng do dự án Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện A Lưới không thể thực hiện